

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 202/TTr-SNN ngày 24/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là *Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025*).

Bộ Tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 là căn cứ để chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã trên địa bàn tỉnh; là cơ sở để tổ chức xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố

1. Các Sở, ban, ngành được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu

a) Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, lĩnh vực được giao phụ trách và điều kiện thực tế của tỉnh, các Sở, ban, ngành được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu ban hành văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố và các xã:

- Triển khai, thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Điều 1 Quyết định này;

- Hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ minh chứng đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu phục vụ công tác thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

b) Chủ trì thẩm định hồ sơ, mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách đối với từng xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch.

c) Định kỳ, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh, về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 20 tháng 12 hằng năm;

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Đôn đốc các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung khi có vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Tổng hợp, ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn các huyện, thành phố về trình tự, thủ tục, hồ sơ minh chứng; tổ chức thẩm định, xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

c) Hằng năm, tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 sau khi được công nhận đạt chuẩn để đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Theo lĩnh vực phụ trách, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí, phân bổ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; lồng ghép nguồn vốn từ các Chương

trình, dự án khác để tổ chức, thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ hướng dẫn của các Sở, ban, ngành, xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn.

b) Chỉ đạo huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện, hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

c) Tổ chức thẩm tra, trình Hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

d) Định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn, gửi các Sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *95*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 10b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



Phụ lục I

BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ^[1] được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, tiểu khu và đường liên thôn, bản, tiểu khu ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 80%	

^[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

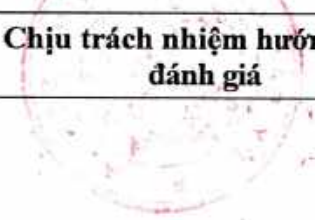



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	Đạt 100%, trong đó 70% mặt đường được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (<i>cấp phối, sỏi cuội, đá thải tận dụng...</i>)	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Được cứng hóa 10% mặt đường một số vị trí có độ dốc dọc lớn, bằng vật liệu sẵn có (<i>cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...</i>)	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Sở Công thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định ^[2]	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

^[2] Quy định "Tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định" thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ^[3]		Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, tiểu khu có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Sở Công thương
8	Thông tin và Truyền thông ^[4]	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản, tiểu khu		Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥ 80%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu	Năm 2021	≥ 36	Cục Thống kê tỉnh

^[3] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

^[4] Quy định đối với “các chỉ tiêu 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông” thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		đồng/người)	Năm 2022	≥ 39	
			Năm 2023	≥ 42	
			Năm 2024	≥ 45	
			Năm 2025	≥ 48	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 ^[5]		Đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 70\%$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 20\%$	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		Đạt	

^[5] Quy định “Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025” thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ ^[6]	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥ 70%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ)	≥ 90%	Sở Y tế
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 24%	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥ 50%	
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, tiểu khu đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	≥ 70%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

^[6] Quy định “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ” thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 30\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và PTNT
			Xã khu vực III	$\geq 20\%$ ($\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		$\geq 90\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung		Đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		$\geq 2m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường		100%	- Sở Nông nghiệp và PTNT: Phụ trách lĩnh vực bao gói thuốc BVTN sau sử dụng; - Sở Y tế: Phụ trách lĩnh vực chất thải rắn y tế.



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ^[7]	$\geq 70\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$	
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Sở Tư pháp

^[7] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn, bản, tiểu khu	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em, nếu xảy ra thì được phát hiện, xử lý kịp thời, không ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh



Phụ lục II

BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025): Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn, đánh giá.
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	- 100% đường xã được thực hiện công tác quản lý, bảo trì hàng năm; - Các tuyến đường được bố trí các hạng mục cần thiết: Biển chỉ dẫn tại các vị trí nút giao và biển báo tại vị trí nguy hiểm; hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh trong khu dân cư	Sở Giao thông vận tải

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, tiểu khu và đường liên thôn, bản, tiểu khu	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh ...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 85\%$	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	$\geq 50\%$ được cứng hóa bằng vật liệu sẵn có (cấp phối, sỏi cuội, đá tận dụng...)	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 5\%$	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	Sở Công thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥ 1 mô hình	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, tiểu khu đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	$\geq 80\%$	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
8	Thông tin và Truyền thông ^[8]	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		Đạt	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng, ...)		≥ 2 điểm	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥ 90%	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm 2021	≥ 43	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2022	≥ 47	
			Năm 2023	≥ 51	
			Năm 2024	≥ 55	
			Năm 2025	≥ 59	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 ^[9]		Đạt	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

^[8] Quy định đối với “các chỉ tiêu 8.1, 8.2, 8.3, 8.4 thuộc tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông” thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

^[9] Quy định đối với “Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025” thực hiện theo văn bản công bố chỉ tiêu, hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (áp dụng mức quy định tương đương với chỉ tiêu của vùng Trung du miền núi phía Bắc) và hướng dẫn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 30\%$	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1 Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 1 mô hình	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1 mô hình	Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1 mô hình	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công	$\geq 90\%$	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 25\%$	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III	Sở Nông nghiệp và PTNT
			Xã khu vực III	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
18	Chất lượng môi trường sống	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥ 60 lít	
			Xã khu vực III	≥ 40 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 25\%$	
			Xã khu vực III	$\geq 20\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		100%	Sở Y tế
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm		100%	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch		$\geq 80\%$	
19	Quốc phòng và An ninh	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường		100%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân		Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên, nếu xảy ra thì được phát hiện, xử lý kịp thời, không ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả		Đạt	Công an tỉnh

**Phụ lục III****QUY ĐỊNH XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***(Kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Sơn La)***XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 LÀ XÃ:**

1. Đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn, đánh giá.
2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm: Cục Thống kê tỉnh hướng dẫn, đánh giá.
3. Có ít nhất một mô hình thôn/bản/tiểu khu thông minh theo quy định của UBND tỉnh: Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đánh giá.
4. Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong bảy lĩnh vực nổi trội nhất, gồm:

TT	Lĩnh vực nổi trội nhất	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Về Sản xuất	1.1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		1.2. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 2 Hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
		1.3. Có ít nhất 1 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với nông sản chủ lực, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm và đạt hiệu quả kinh tế	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		1.4. Có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 4 sao trở lên	≥ 1 sản phẩm	

TT	Lĩnh vực nổi trội nhất	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
2	Về Giáo dục	2.1. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động đi học Mẫu giáo	$\geq 90\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	
		2.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; Số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	$\geq 95\%$	
		2.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp	$\geq 95\%$	
3	Về Văn hóa	3.1. Có Trung tâm văn hóa, thể thao của xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; có đầy đủ các trang thiết bị bảo đảm cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ của toàn xã. Hàng năm có kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		3.2. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc thể dục, thể thao	$\geq 60\%$	
		3.3. Mỗi thôn, bản có ít nhất 01 đội hoặc câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	
4	Về Du lịch	4.1. Có ít nhất 01 điểm du lịch hoặc 01 bản du lịch cộng đồng được công nhận theo quy định	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Thực hiện tiếp nhận, giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của du khách	Đạt	
		4.3. Cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn thực hiện tốt ứng xử văn minh với du khách	Đạt	
5	Về Cảnh quan	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường	$\geq 90\%$	Sở Tài nguyên và

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
	 Lĩnh vực nổi trội nhất Môi trường	được thu gom, xử lý theo quy định	Môi trường
	5.2. Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; đến hết ngày 31/12/2023 $\geq 80\%$; từ 01/01/2025 đạt 100%	Đạt	
	5.3. Chất thải thực phẩm được tận dụng làm phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi	$\geq 70\%$	
	5.4. Số tuyến đường xã, thôn, bản có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	$\geq 60\%$	
	5.5. Xã có mô hình bảo vệ môi trường (HTX, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt	
	5.6. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chăn nuôi	$\geq 90\%$	
	5.7. Tỷ lệ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	
6	Về An ninh trật tự	6.1. Hàng năm, Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Đạt
		6.2. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận thực hiện tốt các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gồm: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nếu xảy ra thì được	Đạt

TT	Lĩnh vực nổi trội nhất	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		phát hiện, xử lý kịp thời, không ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương); không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm 6.3. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an 6.4. Lực lượng Công an xã được xây dựng cùng cố trong sạch, vững mạnh. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận liên tục đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên; không có cán bộ, chiến sĩ, vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật	Đạt Đạt	
7	Về Chuyển đổi số	7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công - Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. - Có sử dụng phần mềm một cửa điện tử (trong đó 100% Thủ tục hành chính cấp xã được cấu hình trên phần mềm một cửa điện tử) - Tỷ lệ số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	100% TTHC có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 Đạt ≥ 15%	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Về Chuyển đổi số	7.2. Đảm bảo 100% các máy tính của cán bộ tại UBND cấp xã được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và thường xuyên được cập nhật phần mềm, các máy tính cá nhân của cán bộ khi	100%	Sở Thông tin và Truyền thông



TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
	kết nối hệ thống mạng đảm bảo cơ chế an toàn thông tin		
	7.3. Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Đạt	
	7.4. Có hệ thống wifi công cộng và miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân tại các điểm công cộng tại nhà văn hóa thôn, bản, nhà văn hóa xã, tại trụ sở UBND xã	≥ 3 điểm	
	7.5. Tỷ lệ cán bộ cấp xã, người dân nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn phổ biến kiến thức nâng cao kỹ năng số.	$\geq 50\%$	
	- Tỷ lệ người trưởng thành trong xã sử dụng điện thoại thông minh, được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu thông tin, trao đổi thông tin; kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số (zalo, facebook, youtube,...); kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến,...	$\geq 35\%$	
	- Tỷ lệ người trưởng thành trong xã có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí,....	$\geq 35\%$	

